

BICEBID 200

Thành phần:

Cefixim200mg

Tá dược vđ 1 viên

(Tá dược: Lactose, Natri lauryl sulfat, Magnesi stearat, Talc)

Dạng bào chế: Viên nang cứng.

Quy cách đóng gói: Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng

Dược lực học:

- Cefixim là kháng sinh bán tổng hợp nhóm Cephalosporin thế hệ 3, có tác dụng diệt khuẩn, ngăn cản sự phát triển và phân chia của vi khuẩn bằng cách ức chế tổng hợp vách tế bào vi khuẩn.
- Cefixim có tác động đối với một số vi khuẩn hiếu khí: *Streptococcus pyrogenes*, *S.agalactiae*, *Streptococci* nhóm C, F, G.
- Cefixim có tác động trên vitro một số vi khuẩn như *S. pneumoniae*, *Streptococci* nhóm D, các *Enterococci* gồm *E.faecalis*, *E.faecium* đề kháng với các Cephalosporin khác.
- Cefixim không tác động đối với một số *Staphylococci* sinh Penicillase (như *Streptococcus aureus*, *S.epidermidis*, *S.saprophyticus*), *Corynebacterium*, *Listeria monocytogenes*.
- Cefixim tác động lên một số vi khuẩn Gr (-) như *Neisseria meningitidis*, *N.gonorrhoeae*, *Haemophilus influenzae*, *H.parainfluenzae*, *Moraxella catarrhalis*, *Enterobacteriaceae* và *Pseudomonas*.

Dược động học: Khoảng 30- 50% liều sử dụng Cefixim được hấp thu ở ống tiêu hoá. Thời gian đạt nồng độ tối đa của thuốc trong huyết tương sau khi sử dụng là 4,3 giờ và nồng độ đạt được khi dùng ở liều 400mg 1lần/ngày là khoảng 1,3 - 7,7 mg/ml. 65 - 70% thuốc được gắn với protein huyết tương. Thời gian bán thải của thuốc ở người lớn với chức năng thận bình thường là 2,4 - 4 giờ, thuốc thải trừ chủ yếu qua thận.

Chỉ định:

- Nhiễm trùng đường tiết niệu do *Escherichia Coli* hoặc *Proteus mirabilis*.
- Viêm tai giữa do *Haemophilus influenzae*.
- Viêm họng và amidan do *Streptococcus pyrogenes*.
- Viêm phế quản cấp và mạn do *Streptococcus pneumoniae*, hoặc *Haemophilus influenzae*, hoặc *Moraxella catarrhalis*.
- Viêm phổi mắc tại cộng đồng thể nhẹ và vừa.
- Một số trường hợp viêm thận - bể thận và nhiễm khuẩn đường tiết niệu có biến chứng do các *Enterobacteriaceae* nhạy cảm. Bệnh lậu chưa có biến chứng do *Neisseria gonorrhoeae*. Bệnh thương hàn do *Salmonella typhi*. Bệnh lỵ do *Shigella* nhạy cảm.

Liều lượng và cách dùng:

- Người lớn: 200 - 400 mg/ngày, dùng một lần hoặc chia làm 2 lần, cách nhau 12 giờ.
- Trẻ em cân nặng hơn 50 kg hoặc lớn hơn 12 tuổi: Liều dùng như người lớn.
- Trẻ em trên 6 tháng - 12 tuổi dùng 8mg/kg/ngày có thể dùng 1 lần trong ngày hoặc chia làm 2 lần, mỗi lần cách nhau 12 giờ.
- Thời gian sử dụng tùy theo loại nhiễm khuẩn. Thời gian điều trị nhiễm trùng đường tiết niệu hoặc đường hô hấp trên 5 - 10 ngày, đường hô hấp dưới hoặc viêm tai giữa 10 - 14 ngày.
- Liều đối với người suy thận: Người lớn có độ thanh thải creatinin từ 21 - 60 ml/phút dùng liều cefixim 300mg/ngày, nếu độ thanh thải creatinin < 20 ml/phút, dùng liều cefixim 200mg/ngày.

Chống chỉ định: Người bệnh có tiền sử quá mẫn với cefixim hoặc với các kháng sinh nhóm cephalosporin khác, người có tiền sử sốc phản vệ do penicilin.

Thận trọng:

- Người mẫn cảm với penicillin, cephalosporin, cephamycin.
- Người có tiền sử về bệnh đường tiêu hóa và viêm đại tràng.
- Người suy thận, thẩm tách máu phải giảm liều. Phải theo dõi chức năng thận và máu trong khi điều trị, nhất là khi dùng thuốc thời gian dài, với liều cao.
- Trẻ em nhỏ hơn 6 tháng tuổi, phụ nữ mang thai và trong thời gian cho con bú.

Tương tác thuốc:

- Probenecid làm tăng nồng độ đỉnh và AUC của Cefixim, giảm độ thanh thải của thận và thể tích phân bố của thuốc.
- Các thuốc chống đông như Warfarin khi dùng cùng Cefixim làm tăng thời gian Prothrombin, có hoặc không kèm theo chảy máu.
- Carbamazepine uống cùng Cefixim làm tăng nồng độ Carbamazepine trong huyết tương.
- Nifedipin khi uống cùng Cefixim làm tăng sinh khả dụng của Cefixim biểu hiện bằng nồng độ đỉnh và AUC.

Sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú: Chưa có sự nghiên cứu đầy đủ trên phụ nữ có thai và cho con bú cho nên chỉ sử dụng nếu thật sự cần thiết.

Tác động của thuốc khi lái xe và vận hành máy: Thuốc không ảnh hưởng gì khi lái xe và vận hành máy.

Tác dụng không mong muốn:

- Thường gặp: Rối loạn tiêu hóa, ban đỏ, mày đay, sốt do thuốc.
- Ít gặp: Tiêu chảy nặng do *Clostridium difficile* và viêm đại tràng giả mạc, phản vệ, phù mạch, hội chứng Stevens - Johnson, hồng ban đa dạng, hoại tử thượng bì nhiễm độc, giảm tiểu cầu, bạch cầu, bạch cầu ưa acid thoáng qua, giảm nồng độ hemoglobin và hematocrit, viêm gan và vàng da, tăng tạm thời AST, ALT, phosphatase kiềm, bilirubin và LDH, suy thận cấp, tăng nitrogen phi protein huyết và nồng độ creatinin huyết tương tạm thời, viêm và nhiễm nấm Candida âm đạo.
- Hiếm gặp: Thời gian prothrombin kéo dài, co giật.

Thông báo cho bác sĩ biết những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

Sử dụng quá liều và cách xử trí:

- Các triệu chứng quá liều bao gồm: Buồn nôn, nôn, tiêu chảy, co thắt ruột.
- Xử trí: Trong trường hợp quá liều không thể làm giảm nồng độ thuốc bằng cách thẩm phân máu hoặc thẩm phân màng bụng, rửa ruột có thể được chỉ định, không có thuốc giải đặc trị chủ yếu là điều trị triệu chứng.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Bảo quản: Nơi mát, không quá 30°C, tránh ánh sáng.

**ĐỂ XA TẦM TAY CỦA TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.
NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN, XIN HỎI Ý KIẾN BÁC SĨ.
THUỐC NÀY CHỈ DÙNG THEO ĐƠN CỦA BÁC SĨ.**

Sản xuất tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)
Số 498 Nguyễn Thái Học, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định,
Việt Nam

ĐT: 056. 3846040 * Fax: 056. 3846846